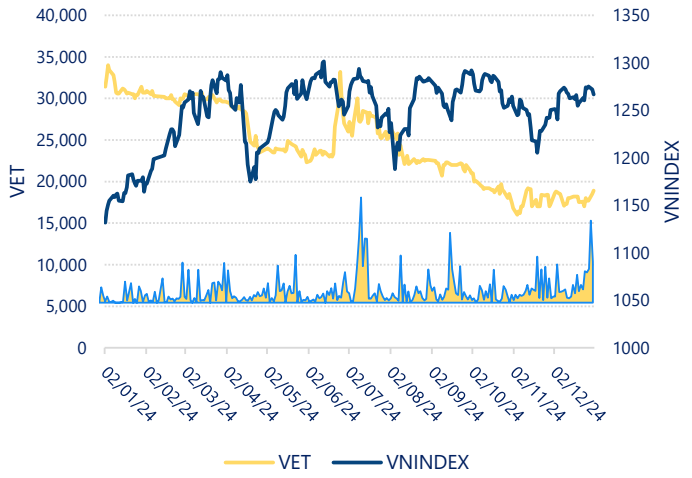
CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO (UPCOM: VET)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

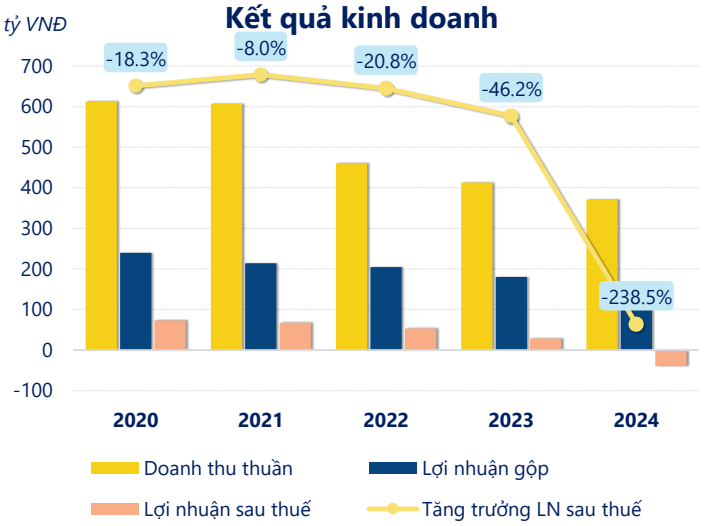
Ngày 31/12/2024	18,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.1%	-4.1%	-

Lịch sử giá



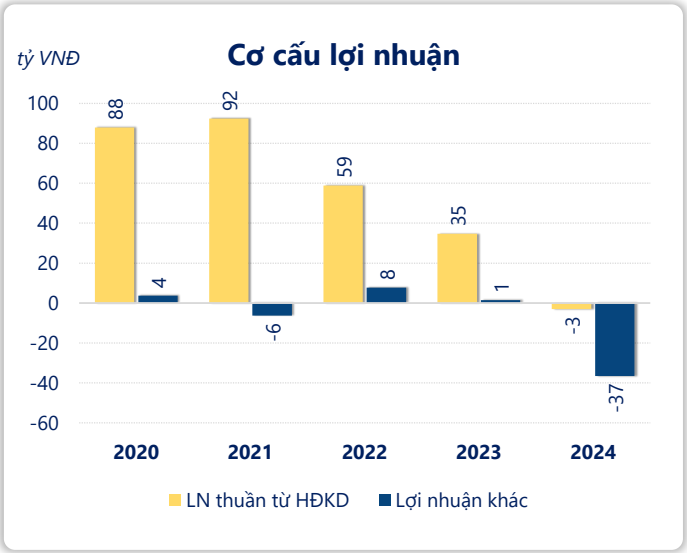
	2024	YoY
DT thuần	**371** tỷ VNĐ	▼ 42.0 ▼ 10.0%
LN gộp	**165** tỷ VNĐ	▼ 15.0 ▼ 8.5%
LN thuần	**-3.00** tỷ VNĐ	▼ 37.7 ▼ 109%
LN sau thuế	**-39.6** tỷ VNĐ	▼ 68.2 ▼ 239%
ROE	**-13.3%**	+/- YoY ▼ 22.2%
ROA	**-4.6%**	+/- YoY ▼ 7.8%

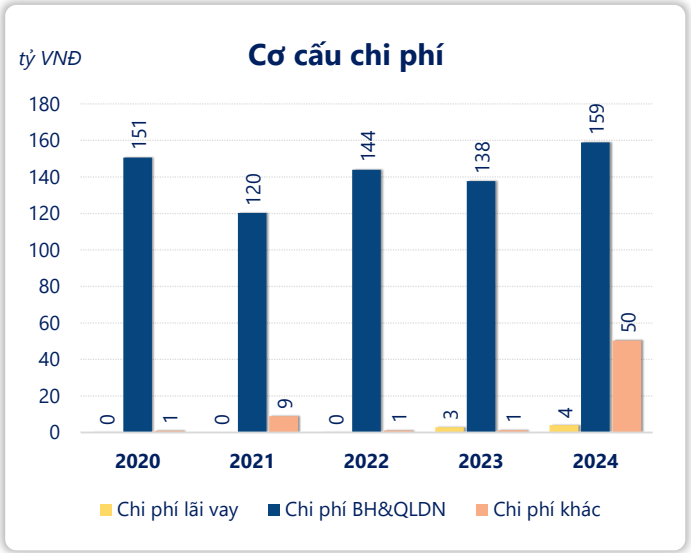
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **VET** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 10.0%** chỉ còn **371.3** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 239%** chỉ còn **-39.60** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -13.3% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

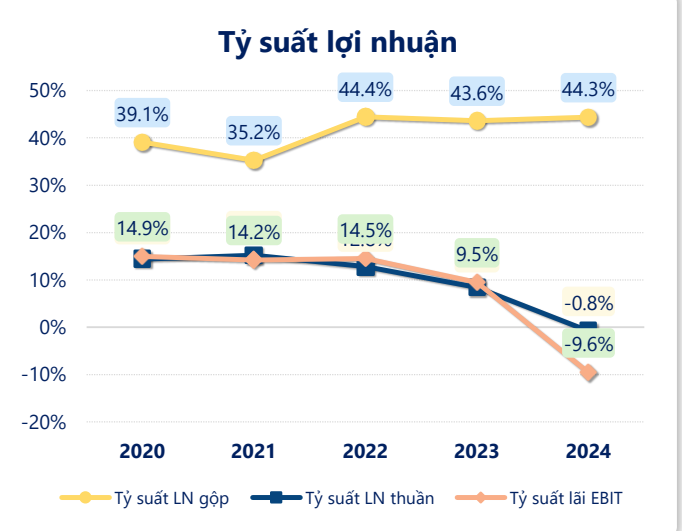


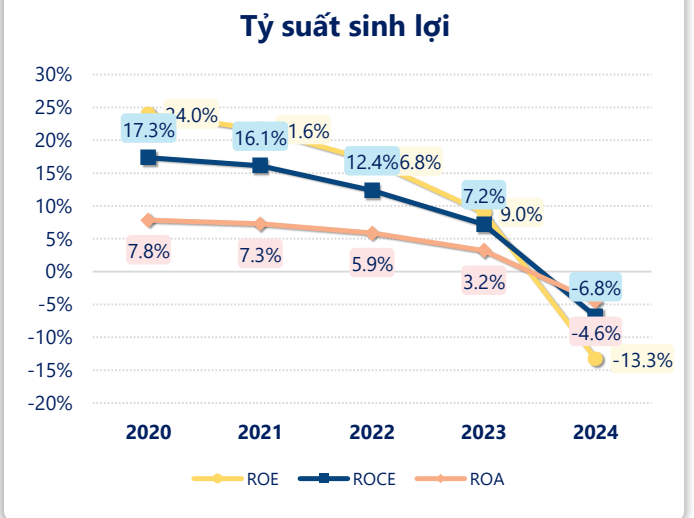


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VET** năm **2024 giảm đi 37.72** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 3.00 tỷ đồng. Đây là khoản **lỗ từ hoạt động kinh doanh lớn nhất 5 năm qua**. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

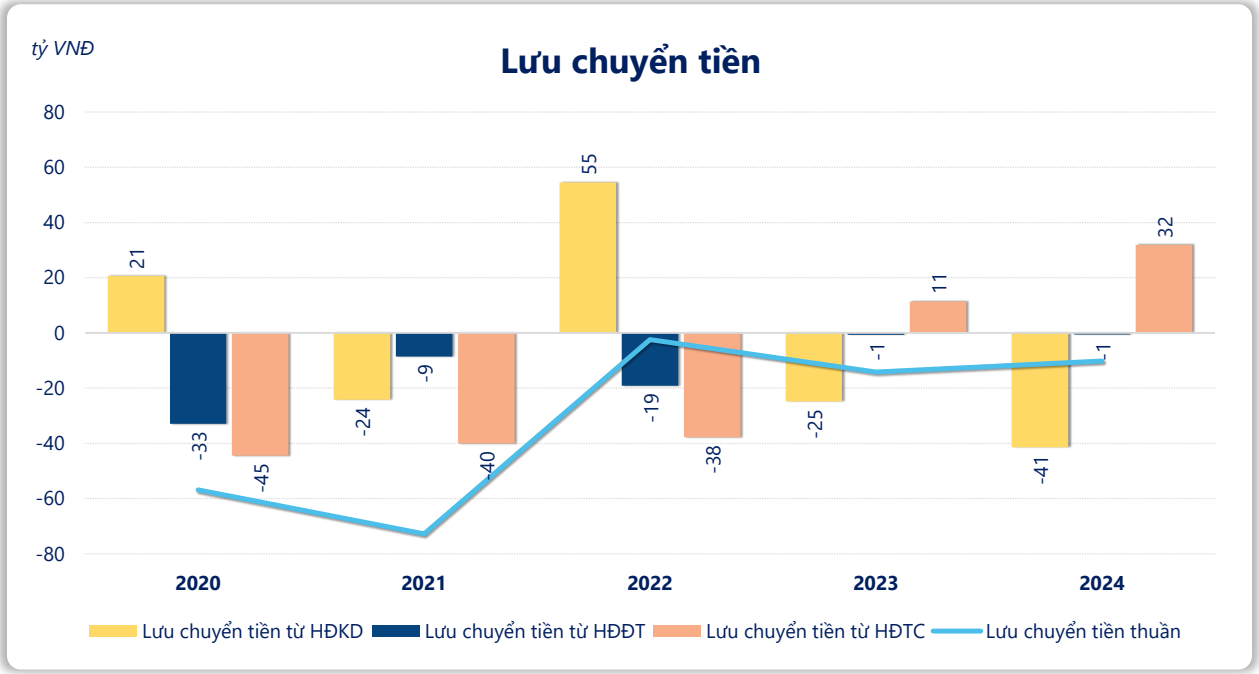
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **3.99** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **158.9** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **50.30** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VET năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-13.3%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**613**	**607**	**461**	**413**	**371**
Giá vốn hàng bán	374	393	256	233	207
Lợi nhuận gộp	**240**	**214**	**205**	**180**	**165**
Doanh thu HĐTC	3.21	1.65	2.33	1.23	0.10
Chi phí TC	4.20	3.18	4.21	8.69	8.87
Chi phí lãi vay	**0.03**	**0**	**0.07**	**2.82**	**3.99**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	102	68.2	75.0	77.6	105
Chi phí QLDN	48.8	52.1	69.0	60.1	53.5
LN thuần từ HĐKD	**88.0**	**92.3**	**58.9**	**34.7**	**-3.00**
Lợi nhuận khác	3.65	-6.25	7.76	1.48	-36.6
LN trước thuế	**91.6**	**86.1**	**66.6**	**36.2**	**-39.6**
Lợi nhuận sau thuế	**72.8**	**67.0**	**53.1**	**28.6**	**-39.6**
LNST của CĐ cty mẹ	**72.8**	**67.0**	**53.1**	**28.6**	**-39.6**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VET bằng **-10.16** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-14.20 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-41.44** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.55** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **31.83** tỷ đồng.